

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-PT

Ngày 16 - 05 - 2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quyết Thắng.

Các Thẩm phán: 1. Ông Lương Văn Đài.

2. Ông Chu Văn Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai: Bà Đỗ Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2025/TLPT-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 07/2025/HNGĐ-ST ngày 23/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 27/2025/QĐ-PT ngày 04 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2025/QĐ-PT ngày 23/4/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Văn M, sinh năm 1978

Địa chỉ: Tổ F, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Vũ Thị Lệ T, sinh năm 1978

Địa chỉ: Tổ F, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Người kháng cáo: Bị đơn chị Vũ Thị Lệ T .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Văn M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Vũ Thị Lệ T kết hôn với nhau ngày 30/01/2001 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế cũng như nuôi dạy con cái, trong cuộc sống hàng ngày không ai quan tâm đến ai, công việc của ai người này làm, cuộc sống gia đình luôn căng thẳng. Từ tháng 02 năm 2024 anh M đã thuê nhà ra ở riêng, không ai quan tâm đến ai về tình cảm cũng như kinh tế. Đến nay anh Lê Văn M nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vũ Thị Lệ T.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có hai con chung là cháu Lê Vũ Quỳnh A, sinh ngày 28/8/2001 và cháu Lê Vũ Thế A1, sinh ngày 13/8/2009. Đối với cháu Lê Vũ Quỳnh A hiện nay cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Đối với cháu Lê Vũ Thế A1, hiện nay cháu ở cùng mẹ, anh M đề nghị Toà án giải quyết cho mẹ cháu là chị Vũ Thị Lệ T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là: 6.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản và nợ chung: Anh Minh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Vũ Thị Lệ T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng anh chị kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc, cuộc sống gia đình chưa bao giờ xảy ra mâu thuẫn. Thời gian gần đây anh M có ý kiến ly hôn để được cấp hai xuất đất đền bù tái định cư nhưng chị T không đồng ý. Sau đó anh M nói vợ chồng đã hết duyên, không còn tình cảm vợ chồng, muốn tự sống theo ý thích của mình, đến ngày 19/02/2024 anh M tự ý chuyển ra ngoài ở riêng, vợ và các con không can thiệp được. Đến nay anh M có đơn xin ly hôn, quan điểm chị T không đồng ý vì chị vẫn còn tình cảm với anh M, anh M tự muốn ra ở riêng theo ý thích, hơn nữa việc ly hôn cũng ảnh hưởng rất nhiều đến tâm lý, sức khoẻ và kết quả học tập của cháu Lê Vũ Thế A1.

Về con chung: Do không đồng ý ly hôn với anh M nên chị T không có ý kiến cụ thể về con chung.

Về tài sản và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản án hôn nhân gia đình số 07/2025/HNGĐ-ST ngày 23/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Khoản 3 Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lê Văn M và chị Vũ Thị Lệ T, quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Vũ Thế A1 sinh ngày 13/8/2009 cho chị Vũ Thị Lệ T trực tiếp trông nom nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Lê Văn M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 6.000.000 đồng/tháng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn chị Vũ Thị Lệ T kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn M.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến và đề nghị của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Vũ Thị Lệ T, giữ nguyên bản án sơ thẩm, tuyên án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn chị Vũ Thị Lệ T có đầy đủ các nội dung theo quy định và đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, nên được xác định là hợp lệ.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Minh và chị T kết hôn năm 2001, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, thành phố L trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối. Do vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh M cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, làm ăn kinh tế và nuôi dạy con cái, thường xảy ra xung đột nên cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, mệt mỏi. Chị T cho rằng cuộc sống vợ chồng vẫn hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Trên thực tế anh M đã chuyển ra ngoài ở riêng từ tháng 2/2024, hai vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm, chăm sóc nhau, quan hệ hôn nhân giữa anh M và chị T không còn hạnh phúc, bản thân anh M cũng xác định không thể quay về chung sống với chị T nữa. Bên cạnh đó, căn cứ vào biên bản xác minh của Tòa án ngày 25/11/2024, ông Trần Văn H (tổ trưởng tổ F, phường B, thành phố L) xác định trong quá trình chung sống tại địa phương, vợ chồng anh M chị T thỉnh thoảng có to tiếng cãi nhau vài lần nhưng vì lý do gì, cụ thể như thế nào thì tổ trưởng không biết vì anh M, chị T không trình bày đến tổ hòa giải. Tuy nhiên từ khoảng tháng 2 năm 2024, anh M đã chuyển ra khu tập thể nhà khách Apatit L để ở, còn chị T và con trai vẫn sinh sống tại tổ F, phường B, thành phố L.

Xét thấy mâu thuẫn giữa anh M, chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh M là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Trong quá trình xét xử phúc thẩm, chị T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Vũ Thị Lệ T.

[2.2]. Về con chung: Anh M1 và chị T đều xác nhận trong thời kỳ hôn nhân có 02 con chung là cháu Lê Vũ Quỳnh A, sinh ngày 28/8/2001 và cháu Lê Vũ Thế A1, sinh ngày 13/8/2009. Đối với cháu Lê Vũ Quỳnh A hiện nay cháu đã đến tuổi trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu Lê Vũ Thế A1: Chị T cho rằng hiện nay cháu Lê Vũ Thế A1 phải điều trị bệnh về tâm thần và có nộp kèm theo các tài liệu liên quan đến việc khám chữa bệnh cho

cháu A1, nhưng đều là các bản phô tô không có giá trị pháp lý để chứng minh. Ngoài ra, chị T không cung cấp được tài liệu chứng cứ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền chứng minh cháu A1 bị mắc bệnh tâm thần, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc mất năng lực hành vi dân sự. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét về thời gian trực tiếp nuôi dưỡng con chung và thời gian cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi cháu khỏi bệnh mà chỉ xem xét trách nhiệm nuôi dưỡng, cấp dưỡng con chung đến khi cháu Lê Vũ Thế A1 đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) là phù hợp theo quy định. Bản thân cháu Thế A1 có nguyện vọng ở với ông bà nội, tuy nhiên theo quy định của pháp luật bố mẹ đẻ là người có nghĩa vụ nuôi dưỡng con cái, hơn nữa ông bà nội cháu Thế A1 đã chết nên không có căn cứ giao cháu Lê Vũ Thế A1 cho ông bà nội nuôi dưỡng.

Căn cứ vào lời khai của các đương sự cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nhận thấy: Anh M1 và chị T đều có công việc và thu nhập ổn định, nếu anh M1 và chị T được giao nuôi con thì đều có đủ điều kiện về vật chất trong việc chăm sóc con chung. Bị đơn chị T không có quan điểm cụ thể về con chung nhưng trong đơn đề nghị tạm ngừng phiên tòa chị T đã có ý kiến nếu giao cháu Thế A1 cho chị nuôi dưỡng thì chị yêu cầu anh M1 có nghĩa vụ cấp dưỡng số tiền là 6 triệu đồng/tháng. Nguyên đơn anh Lê Văn M cũng có nguyện vọng giao cháu Lê Vũ Thế A1 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi và đồng ý cấp dưỡng nuôi dưỡng cháu A1 mỗi tháng 6.000.000đồng.

Xét điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên, thu nhập thực tế của anh M, chị T, Tòa án cấp sơ thẩm đã giao Lê Vũ Thế A1 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu A1 đủ 18 tuổi và anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu A1 mỗi tháng 6.000.000đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của bị đơn chị Vũ Thị Lệ T không được chấp nhận, nên chị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Vũ Thị Lệ T, giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 07/2025/HNGĐ-ST ngày 23/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Vũ Thị Lệ T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001133 ngày 21/02/2025, của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Chị Vũ Thị Lệ T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND thành phố L;
- Chi cục THADS TPL;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Quyết Thắng

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC THẨM PHÁN**

Trương Quyết Thắng

Chu Văn Thanh

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Ngọc T1